| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHONG THỔ**<br>**TỈNH LAI CHÂU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 01 - 2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Triệu Trung Tá.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lò Văn Chiên;

2. Bà Trần Thị Mùi.

***- Thư ký phiên tòa****:* Ông Giang Tiến Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu*** *tham gia phiên tòa:*

Bà: Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2018/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 9 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXX-ST ngày 24 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị X, sinh năm 1986.*

*Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lai Châu, có mặt tại phiên tòa.*

*2. Bị đơn: Anh Vàng Văn T, sinh ngày 15 tháng 4 năm 1985.*

*Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lai Châu, vắng mặt tại phiên tòa.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn; bản tự khai; biên bản lấy lời khai của tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị Lò Thị X trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Vàng Văn T đăng ký kết hôn ngày 04/3/2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa chị và anh T là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn chị và anh T chung sống hạnh phúc đến khoảng 02/2013 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị phát hiện anh T có sử dụng chất ma túy, nhiều lần chị cùng gia đình đã khuyên anh T từ bỏ nhưng anh T không từ bỏ. Từ đó giữa chị và anh T thường xảy ra những cãi vã, bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không còn được hạnh phúc nữa. Đến khoảng tháng 5/2018 chị và anh T quyết định sống ly thân nhau từ đó đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân cả hai cũng không quan tâm gì đến nhau. Hiện tại bản T chị không còn tình cảm với anh T, cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh T không đạt được mục đích do đó chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn T để vợ chồng giải thoát cho nhau.

*Về con chung:* Chị và anh T có 02 con chung. Cháu lớn tên là V, sinh ngày 15/9/2005 và cháu nhỏ là Vàng Yến C sinh ngày 21/12/2009. Cả hai cháu hiện đang sinh sống cùng chị tại Thôn N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lai Châu. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

*Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị không yêu cầu anh Vàng Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Chị xác nhận chị và anh Vàng Văn T không có nợ chung.

[2] Tại bản tự khai; biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn anh Vàng Văn T trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Quá trình kết hôn, chung sống với nhau và thời điểm cũng như nguyên nhân mâu thuẫn như chị X trình bày là đúng. Anh T trình bày vẫn còn tình cảm với chị X nhưng chị X cương quyết ly hôn thì anh nhất trí ly hôn với chị Lò Thị X để vợ chồng giải thoát cho nhau.

Về con chung: Anh và chị X có 02 con chung. Cháu lớn tên là V, sinh ngày 15/9/2005 và cháu nhỏ là Vàng Yến C sinh ngày 21/12/2009. Cả hai cháu hiện đang sinh sống cùng chị X tại Thôn N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lai Châu. Sau khi ly hôn anh nhất trí để chị X nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi vì không muốn hai cháu phải X nhau.

*Về tài sản chung:* Anh và chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Anh xác nhận anh và chị X không có nợ chung.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã cơ bản thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tòa án không gửi thông báo kết quả phiên kiểm tra chứng cứ cho bị đơn.

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa xét xử vụ án ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong thời gian chuẩn bị xét xử nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là không chấp hành đúng nghĩa vụ có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án theo quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1, Điều 28 BLTTDS; Điều 54, 56, 57, 81, 82, 83 Luật HNGĐ năm 2014; Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lò Thị X, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị X được ly hôn với anh Vàng Văn T.

Về con chung: Giao 02 cháu V sinh ngày 15/9/2005 và cháu Vàng Yến C sinh ngày 21/12/2009 cho chị Lò Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu cho đến khi đủ 18 tuổi, chị X phải tạo điều kiện cho anh T trong việc thăm nom con chung mà không được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ theo biên lai số: AA/2010/0002118 ngày 25/9/2018.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử Tòa án đã tiến hành thu thập lời khai của các đương sự, xác minh theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thu thập các tài liệu, chứng cứ của vụ án Tòa án đã Thông báo cho các đương sự về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên bị đơn anh Vàng Văn T vắng mặt tại phiên họp không có lý do. Ngày 23/11/2018 chị X làm đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải do đó vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là có

căn cứ, đúng theo pháp luật tố tụng. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt do đó HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tố tụng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lò Thị X và anh Vàng Văn T có đăng ký kết hôn với nhau ngày 04/3/2005 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Lai Châu, hai anh chị kết hôn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn chị X và anh T chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 02/2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị X phát hiện anh T sử dụng chất ma túy, nhiều lần chị X và gia đình đã khuyên can nhưng ngược lại anh T không chịu thay đổi, vẫn không từ bỏ ma túy dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, thường xuyên xảy ra cãi vã. Đến tháng 05/2018 chị X và anh T quyết định sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì chị X và anh T không ai quan tâm đến ai, hiện tại chị X không còn tình cảm với anh T. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của anh T, anh T có khai là anh vẫn còn tình cảm với chị X tuy nhiên vợ chồng không còn niềm tin ở nhau do đó anh hoàn toàn nhất trí ly hôn với chị X để vợ chồng giải thoát cho nhau. Ngày 16/11/2018 Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Lai Châu, kết quả xác minh cho thấy anh Vàng Văn T có sử dụng chất ma túy và hiện đang điều trị Methadone tại trung tâm y tế huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X và anh T đã thực sự trầm trọng, anh T có sử dụng chất ma túy và đã được chị X cùng gia đình nhiều lần khuyên can nhưng không từ bỏ dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, mất niềm tin ở nhau, do đó cần chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Lò Thị X.

[3]. Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:

Chị X và anh T có 02 con chung. Cháu lớn tên là V, sinh ngày 15/9/2005 và cháu nhỏ là Vàng Yến C sinh ngày 21/12/2009. Cả hai cháu hiện đang sinh sống cùng chị X tại Thôn N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lai Châu. Quá trình giải quyết vụ án anh T và chị X thống nhất: Sau khi ly hôn sẽ giao 02 cháu V và C cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi. Chị X hiện đang làm nghề nghiệp tự do có mức thu nhập trung bình khoảng 07 triệu đồng mỗi tháng, thông qua việc lấy ý kiến của cháu V và cháu C ngày 16/11/2018 tại Tòa án cháu V và cháu C cũng đều có nguyện vọng được sinh sống cùng với chị X. Do đó nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị X sau khi ly hôn là có căn cứ, phù hợp với ý chí, nguyện vọng của cả nguyên đơn, bị đơn và cháu C, cháu V đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị X không yêu cầu anh Vàng Văn T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về chia tài sản chung: Chị Lò Thị X và anh Vàng Văn T tự thỏa thuận, thống nhất và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Chị Lò Thị X và anh Vàng Văn T xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Lò Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 54; khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân:

Tuyên bố: Chị Lò Thị X được ly hôn với anh Vàng Văn T.

2. Về nuôi con chung, cấp dưỡng cho con:

Giao cháu V sinh ngày 15/9/2005 và cháu Vàng Yến C sinh ngày 21/12/2009 cho chị Lò Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi, anh Vàng Văn T không phải cấp dưỡng cho con chung, chị X phải tạo điều kiện cho nhau trong việc thăm nom con chung mà không được cản trở.

3. Về chia tài sản chung: Chị Lò Thị X và anh Vàng Văn T tự thỏa thuận, thống nhất và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Lò Thị X và anh Vàng Văn T xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ theo biên lai số: AA/2010/0002118 ngày 25/9/2018.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Uỷ ban nhân dân thị trấn Phong Thổ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Triệu Trung Tá**

**HTND** **HTND** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**